

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 01 – 2022

V/v: *Kiến xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Lương

Ông Hoàng Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Duy T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà C, đường B, phường T, quận B, TP Hồ Chí Minh; Địa chỉ cần báo: Số X, đường Y phường T, Quận C, TP Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Nhà số A, đường N, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/11/2021, được bổ sung tại bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Bùi Duy T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Phương N có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2013 tại UBND xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng nhau chung sống tại thành phố Hồ Chí Minh sau đó do điều kiện làm ăn khó khăn vợ chồng cùng nhau về Quảng Bình sinh sống hạnh phúc một thời gian, về sau phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm nên anh T về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Qua thời

gian sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, bản thân anh T cảm thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nam.

- *Về nuôi con chung*: Anh T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Khôi Ng, sinh ngày 18/11/2013. Hiện nay cháu Ng đang sinh sống cùng với chị N; anh T đồng ý sau khi ly hôn giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị N vì hiện nay cháu Ng đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu thương của người mẹ. Chị N cam đoan đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do đó anh T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 30/12/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Chị và anh Bùi Duy T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2013 tại UBND xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống sau khi kết hôn thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vì nảy sinh mâu thuẫn nên anh T vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, bỏ mặc, không còn quan tâm đến nhau đúng như anh T đã trình bày. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T làm đơn xin ly hôn, chị N cũng đồng ý ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Khôi Ng, sinh ngày 18/11/2013. Hiện nay cháu Ng đang sinh sống cùng với chị N. Cháu Ng hiện đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu thương của người mẹ nên nguyện vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự. Anh T và chị N đã đến Tòa án để làm bản tự khai. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T đã làm đơn gửi Tòa án trình bày về việc hiện nay anh T đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh và hiện nay tại thành phố Hồ Chí Minh tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp, việc di chuyển từ địa phương này đến địa phương khác thực sự rất khó khăn. Do đó, anh T không thể có mặt tại phiên họp theo thông báo của Tòa án đồng thời đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Duy T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn chị Nguyễn Thị Phương N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số A, đường N, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã đến Tòa án để làm bản tự khai. Sau khi Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do hiện đang thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên không thể có mặt để tham gia phiên họp theo đúng thời gian mà Tòa án đã triệu tập. Anh T đã làm đơn trình bày sự việc và xin xét xử vắng mặt, có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, căn cứ quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Bùi Duy T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Duy T và chị Nguyễn Thị Phương N đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2013 tại UBND xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do sự khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng. Đời sống chung của vợ chồng chỉ kéo dài được một thời gian ngắn, sau đó chị N cùng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T thì chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân, bỏ mặc, không có trách nhiệm gì với nhau. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc, anh T làm đơn xin ly hôn, chị N cũng nhất trí ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị N.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh T và chị N đều thống nhất trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Khôi Ng, sinh ngày

18/11/2013. Hai bên đều thống nhất sau ly hôn giao con chung là cháu Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng muốn được ở với mẹ. Mặc dù được Tòa án giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N cam đoan đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật, nên cần áp dụng Điều 58, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cho chị Nam được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Nguyễn Khôi Ng, sinh ngày 18/11/2013. Anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Anh T và chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của anh T và tại phiên tòa, chị N không có phát sinh thêm yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Anh T, chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên anh T thỏa thuận chịu nộp thay chị N tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Bùi Duy T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Duy T và chị Nguyễn Thị Phương N.

2. *Về nuôi con chung:* Giao chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Nguyễn Khôi Ng, sinh ngày 18/11/2013. Anh Bùi Duy T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Anh T, chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên anh T thỏa thuận chịu nộp thay chị N tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001063 ngày 15/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Án xử công khai, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2022). Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- UBND phường Đồng Hải;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam